

PHỤ LỤC VIII
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ NĂM 2021

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Số người làm việc có mặt tính đến 31/12/2020						Kế hoạch số người làm việc năm 2021						Tăng, giảm giữa KH số người làm việc năm 2021 so với số người làm việc được giao năm 2020			Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Tổng	35	34	1	3805	3765	40	34	33	1	2555	2517	38	0	0	0	4234	4192	42	429	427	2	
I	ĐƠN VỊ TỰ CHỦ NHÓM II	35	34	1	3062	3032	30	34	33	1	2066	2037	29	0	0	0	3160	3129	31	98	97	1	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh				1120	1109	11				680	669	11				1120	1109	11	0	0	0	
2	BV Y học Cổ truyền				176	175	1				149	148	1				176	175	1	0	0	0	
3	BV Phục hồi chức năng				150	148	2				127	125	2				165	163	2	15	15	0	
4	Bệnh viện Mắt	35	34	1				34	33	1							35	34	1	35	34	1	
5	BV đa khoa huyện Đức Thọ				212	210	2				183	181	2				212	210	2	0	0	0	
6	BV đa khoa huyện Lộc Hà				175	174	1				107	106	1				175	174	1	0	0	0	
7	BV đa khoa huyện Hương Khê				187	185	2				152	150	2				187	185	2	0	0	0	
8	BV đa khoa thị xã Kỳ Anh				312	309	3				184	181	3				312	309	3	0	0	0	
9	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên				163	161	2				103	101	2				163	161	2	0	0	0	
10	BV đa khoa TP Hà Tĩnh				313	311	2				191	189	2				313	311	2	0	0	0	
11	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông				10	9	1				8	7	1				10	9	1	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Số người làm việc có mặt tính đến 31/12/2020						Kế hoạch số người làm việc năm 2021						Tăng, giảm giữa KH số người làm việc năm 2021 so với số người làm việc được giao năm 2020			Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
12	Viện Quy hoạch kiến trúc xây dựng				14	13	1				9	9					14	13	1	0	0	0	
13	Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ				12	11	1				12	11	1				12	11	1	0	0	0	
14	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				7	6	1				5	4	1				7	6	1	0	0	0	
15	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Nấm và Tài nguyên sinh vật				4	4					4	4					4	4		0	0	0	
16	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh				35	35					9	9					35	35		0	0	0	
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				36	36					36	36					36	36		0	0	0	
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh				35	35					19	19					35	35		0	0	0	Bao gồm 03 biên chế BQL DA GMS
19	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh				17	17					11	11					17	17		0	0	0	
20	Trung tâm tư vấn KTGT				3	3		0	0		3	3					9	9		6	6	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Số người làm việc có mặt tính đến 31/12/2020						Kế hoạch số người làm việc năm 2021						Tăng, giảm giữa KH số người làm việc năm 2021 so với số người làm việc được giao năm 2020			Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
21	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường				10	10		0	0		7	7					15	15		5	5	0	
22	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng				8	8					8	8					8	8		0	0	0	
23	Ban BT- HT-TĐC thủy điện Ngân Trươi - Cẩm Trang				4	4		0			4	4					4	4		0	0	0	
24	Ban Quản lý Nghĩa Trang thành phố Hà Tĩnh				3	3		0			3	3					3	3		0	0	0	
25	Ban Quản lý bãi biển Xuân Thành, huyện Nghi Xuân				3	3		0			3	3					3	3		0	0	0	
26	Ban QLDA ĐTXD huyện Kỳ Anh				4	4		0			4	4					7	7		3	3	0	
27	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kỳ Anh				6	6		0			6	6					6	6		0	0	0	
28	Ban QLDA ĐTXD huyện Cẩm Xuyên				3	3		0			3	3					7	7		4	4	0	
29	Ban QLDA ĐTXD đầu tư xây dựng thành phố Hà Tĩnh				7	7		0			6	6					7	7		0	0	0	
30	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạch Hà				3	3		0			3	3					8	8		5	5	0	
31	Ban QLDA ĐTXD huyện Can Lộc				4	4		0			4	4					8	8		4	4	0	
32	Ban QLDA ĐTXD huyện Lộc Hà				3	3					3	3					8	8		5	5	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2020						Số người làm việc có mặt tính đến 31/12/2020						Kế hoạch số người làm việc năm 2021						Tăng, giảm giữa KH số người làm việc năm 2021 so với số người làm việc được giao năm 2020			Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
33	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hồng Lĩnh				3	3		0			3	3					5	5		2	2	0	
34	Ban QLDA ĐTXD huyện Nghi Xuân				3	3		0			3	3					7	7		4	4	0	
35	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Thọ				3	3		0			3	3					7	7		4	4	0	
36	Ban QLDA ĐTXD huyện Hương Sơn				3	3		0			3	3					5	5		2	2	0	
37	Ban QLDA ĐTXD huyện Vũ Quang				8	8		0			6	6					8	8		0	0	0	
38	Ban QLDA ĐTXD huyện Hương Khê				3	3		0			2	2					7	7		4	4	0	
II	ĐƠN VỊ TỰ CHỦ NHÓM II				743	733	10				489	480	9				1074	1063	11	331	330	1	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH